

Số: 2234/GPMT-UBND

Nam Định, ngày 02 tháng 12 năm 2022

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản của Công ty cổ phần may Sông Hồng: Số 206/CVSH ngày 02/11/2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; số 102/CVSH ngày 25/11/2022 về việc giải trình nội dung chỉnh sửa báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3995/TTr-STNMT ngày 29/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần may Sông Hồng có trụ sở tại 105 Nguyễn Đức Thuận, thành phố Nam Định được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Khu sản xuất tổng hợp Sông Hồng 7 tại Cụm công nghiệp Hải Phương, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Công ty cổ phần may Sông Hồng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Cụm công nghiệp (CCN) Hải Phương, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0600333307 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp đăng ký lần đầu 03/6/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 23/6/2022.

1.4. Mã số thuế: 0600333307-020.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất hàng may mặc.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở hoạt động tại CCN Hải Phương, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định với diện tích 57.765,2 m².

- Quy mô, công suất của nhà máy: Công suất khoảng 2.000.000 sản phẩm/năm (áo Jacket, áo Jile, áo sơ mi, quần các loại).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải (chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại), phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần may Sông Hồng

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần may Sông Hồng có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý nước thải, khí thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và quản lý chất thải đúng quy định của pháp luật; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, hướng dẫn.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 1566/QĐ-STNMT ngày 16/11/2012 của Sở Tài nguyên và

Môi trường phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết của "Khu sản xuất tổng hợp Sông Hồng 7" của Công ty cổ phần may Sông Hồng và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với "Khu sản xuất tổng hợp Sông Hồng 7" của Công ty cổ phần may Sông Hồng được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

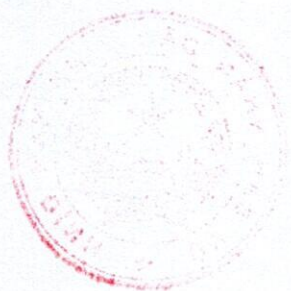
Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Phương;
- Công ty cổ phần may Sông Hồng;
- Chi cục Bảo vệ môi trường;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, TT, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Anh Dũng





Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2234/GPMT-UBND ngày 02/12/2022 của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải nhà vệ sinh từ hoạt động cán bộ, công nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu vực nhà ăn.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hoạt động vệ sinh hệ thống lọc của trạm khai thác nước ngầm.
- Nguồn số 04: Nước thải từ bể hấp thụ của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải và vị trí xả nước thải

- Nguồn tiếp nhận nước thải: Sông Hoàn (Kênh Doanh Châu B1) vị trí tại Cụm công nghiệp (CCN) Hải Phương, xã Hải Phương, huyện Hải Hậu.
- Vị trí xả nước thải: 01 điểm xả vào Sông Hoàn (Kênh Doanh Châu B1) phía Bắc nhà máy có tọa độ vị trí xả nước thải: X = 0581285, Y = 2230812 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý sẽ xả theo phương thức tự chảy ra Sông Hoàn (Kênh Doanh Châu B1).

2.2.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Áp dụng hệ số K_q = 0,9; K_f = 1,1), QCVN 14:2008/BTNMT (*) (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Áp dụng hệ số K = 1,0), cụ thể như sau:

Bảng 1: Giới hạn giá trị thông số trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A); 14:2008/BTNMT (*) (cột A)	
			Giá trị C	C _{max}
1	pH	-	6 ÷ 9	6 ÷ 9
2	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	49,5

3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500 (*)	500 (*)
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30	29,7
5	COD	mg/l	75	74,25
6	Amoni	mg/l	5	4,95
7	Sunfua	mg/l	0,2	0,198
8	Clo dư	mg/l	1	0,99
9	Tổng photpho	mg/l	4	3,96
10	Tổng Nito	mg/l	20	19,8
11	Phosphat (theo P)	mg/l	6 (*)	6 (*)
12	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30 (*)	30 (*)
13	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10 (*)	10 (*)
14	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	5 (*)	5 (*)
15	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3.000	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ các khu nhà vệ sinh được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn và nước thải khu vực nhà bếp xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động vệ sinh hệ thống lọc của trạm khai thác nước ngầm và nước thải từ bể hấp thụ của hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi thu gom qua đường ống nhựa D90 về hệ thống xử lý nước thải công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) và QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) sẽ chảy theo đường ống nhựa ra sông Hoàng (Kênh Doanh Châu B1) phía Bắc nhà máy.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công ty sẽ cải tạo hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm để nâng cấp hệ thống xử lý nước thải, nước thải sau xử lý đảm bảo quy chuẩn (cột B) lên (cột A). Dự kiến thời gian cải tạo từ tháng 12/2022 đến tháng 02/2023.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải sau khi cải tạo như sau: Nước thải → Bể gom → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí 1 → Bể hiếu khí 2 →

Thiết bị lắng sinh học → Bể trung gian 1 → Thiết bị lắng hóa lý → Bể trung gian 2 → Thiết bị lọc → Bể khử trùng → Hồ ga → Thoát ra Sông Hoàn (Kênh Doanh Châu B1) tại 01 cửa xả phía Bắc nhà máy.

- Trong thời gian cải tạo, Công ty vẫn sử dụng công trình xử lý nước thải cũ, quy trình xử lý như sau: Nước thải → Bể điều hoà → Bể hiếu khí → Thiết bị lắng → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) thoát ra Sông Hoàn tại 01 cửa xả phía Bắc nhà máy.

- Hóa chất sử dụng

Bảng 2: Hóa chất sử dụng trong xử lý nước thải

STT	Tên hoá chất	Đơn vị	Khối lượng sử dụng/năm
1	Hóa chất khử trùng	kg	65
2	Chất trợ lắng (PAC)	kg	650

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Công ty bố trí 01 nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành đã được đào tạo.

- Trường hợp nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép: Công ty sẽ đóng van xả nước thải ra ngoài môi trường và tạm ngừng hệ thống xử lý để kiểm tra lại từng công đoạn quy trình vận hành và xử lý sự cố tại công đoạn đó. Sau khi khắc phục sự cố, nước thải đạt quy chuẩn cho phép mới được thải ra ngoài môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ ngày 02/3/2023 đến ngày 30/6/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- 01 mẫu tại bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải.
- 01 mẫu tại hồ ga cuối cùng sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như tại mục 2.2.3 mục A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

- Tiến hành lấy mẫu trong 03 ngày liên tiếp với 01 mẫu đầu vào tại bể điều hoà và 03 mẫu đầu ra tại hồ ga sau hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất lấy mẫu 01 lần/ngày.

Công ty cổ phần may Sông Hồng có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường (qua Chi cục Bảo vệ môi trường) để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

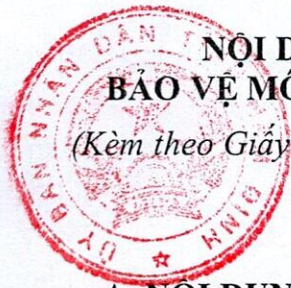
3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà máy bảo đảm nước thải xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) và QCVN 14:2008/BTNMT (cột A) trước khi thải ra sông Hoàn (Kênh Doanh Châu B1) phía Bắc nhà máy. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có), lượng điện tiêu thụ, loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trường hợp trong quá trình xả nước thải nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong sông Hoàn (Kênh Doanh Châu B1), Công ty phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Hải Hậu để kịp thời xử lý./.



Phụ lục II

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2234 /GPMT-UBND ngày 02/12/2022
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh tại khu vực lò hơi (01 lò hơi công suất 2,5 tấn hơi/h).
- Nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh tại khu vực máy phát điện dự phòng (Chỉ xả khi sử dụng máy phát điện dự phòng).

2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả

- Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép: 01 dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

- Lưu lượng xả khí thải tối đa: 8.000 m³/h.

- Vị trí xả khí thải:

+ Nguồn số 1: Vị trí phía Tây nhà máy (Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 0581065, Y = 2230701 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°) thuộc xã Hải Phương, huyện Hải Hậu).

+ Nguồn số 2: Vị trí phía Tây Bắc nhà máy (Tọa độ vị trí xả khí thải: X = 0581077, Y = 2230756 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°) thuộc xã Hải Phương, huyện Hải Hậu).

- Phương thức xả thải: Cường bức bằng quạt hút, gián đoạn không theo chu kỳ.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) (Áp dụng hệ số K_p = 1; K_v = 1,2), cụ thể như sau:

Bảng 3: Giới hạn giá trị thông số trong khí thải sau xử lý

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)	
			C	C _{max}
1	Lưu lượng	m ³ /h	-	-
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	240
3	SO ₂	mg/Nm ³	500	600
4	CO	mg/Nm ³	1.000	1.200
5	NO _x	mg/Nm ³	850	1.020

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 1: Toàn bộ lượng bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi sẽ được quạt hút công suất 7,5 kW thu gom theo đường ống (B500 dài 05 m, kết cấu thép) dẫn về công trình xử lý bụi, khí thải.

- Nguồn số 2: Được thu gom và thoát ra môi trường qua ống phóng không cao 04 m (so với mặt đất).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi với quy trình xử lý như sau: Bụi, khí thải → Cyclon → Bể hấp thụ bằng nước vôi trong → Khí sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) sẽ thoát ra ngoài môi trường qua ống khói cao 16 m (so với mặt sân đường nội bộ).

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ kỹ thuật lấy mẫu theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hoá chất sử dụng: Vôi bột 1,5 tấn/năm.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

a) Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ đối với hệ thống quạt hút để hạn chế tối đa các sự cố liên quan đến quạt hút có thể xảy ra.

- Trường hợp hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, khí thải sau xử lý không đạt quy chuẩn cho phép, Công ty sẽ tạm ngừng hoạt động để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, khí thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép mới cho hệ thống xử lý đi vào vận hành trở lại.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi bảo đảm xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Áp dụng hệ số $K_p = 1$; $K_v = 1,2$) trước khi thải ra ngoài môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Hải Hậu để kịp thời xử lý./.



Phụ lục III

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2234 /GPMT-UBND ngày 02/12/2022
của UBND tỉnh Nam Định)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Số lượng kg/năm
1	Giẻ lau, găng tay có nhiễm thành phần nguy hại thải	18 01 01	KS	15
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	NH	150
3	Dầu thải (phát sinh trong quá trình bảo dưỡng máy móc)	17 02 03	NH	50
4	Bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại	18 01 01	KS	10
5	Rác thải y tế	13 01 01	NH	2
6	Bao bì cứng thải bằng kim loại chứa thành phần nguy hại	18 01 02	KS	60
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa chứa thành phần nguy hại	18 01 03	KS	40
8	Pin, ắc quy thải	19 06 01	NH	5
Tổng cộng				332

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh bao gồm: Sợi chỉ, vải vụn, bìa carton, vỏ bao bì nhựa phát sinh với khối lượng khoảng 78 tấn/tháng; xỉ than phát sinh khoảng 120 kg/ngày; bùn thải (từ trạm khai thác nước ngầm, trạm xử lý nước thải, cặn thải lò hơi) phát sinh với khối lượng khoảng 500 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn (CTR) sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 0,4 tấn/ngày. Thành phần gồm: Thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi nilon, vỏ hộp,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Công ty bố trí 08 thùng chứa thể tích 50 - 120 lít /thùng, có dán mã CTNH riêng biệt từng loại CTNH, có kẻ vạch phân ô từng loại CTNH.

2.1.2. Kho lưu chứa CTNH

- Công ty thu gom và lưu chứa tại kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 50 m² phía Tây Bắc nhà máy, kho kín có mái che, có cửa khóa, có biển báo, biển cảnh báo CTNH theo quy định.

- Công ty đã hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTR công nghiệp thông thường

- Chất thải rắn có thể tái sử dụng, tái chế như chỉ, cúc, vải thừa,... được Công ty tận dụng làm nguyên liệu cho đào tạo hoặc bán tận thu cho các cơ sở.

- Đối với chất thải không thể tái sử dụng, tái chế như bao bì thải, xỉ than, bùn thải, vải vụn, bùn thải... Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- Công ty đã bố trí kho chứa rác công nghiệp có diện tích 173 m² phía Tây Bắc nhà máy, kho có kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn.

- Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được Công ty lưu giữ tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải và thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom tại 20 thùng chứa có thể tích từ 30 lít - 50 lít được đặt tại các khu vực phát sinh như nhà xưởng, nhà ăn. Công ty đã bố trí kho có diện tích 50 m² phía Tây Bắc nhà máy để lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt; kho có kết cấu nền bê tông, tường gạch, mái tôn.

- Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Biện pháp phòng ngừa sự cố đối với kho lưu chứa CTNH

Công ty yêu cầu công nhân thu gom, phân loại, lưu giữ CTNH theo từng loại riêng biệt, tuyệt đối không để CTNH có khả năng tương tác với nhau đặt gần nhau. Khi có sự cố rò rỉ, phát tán CTNH ra môi trường xung quanh, nhà máy sẽ tiến hành thu gom CTNH vào thùng chứa, kho chứa và hợp đồng xử lý theo quy định.

2. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Công ty đã được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy tại Văn bản số 51/TD-PCCC (PC66) ngày 01/11/2011.

- Trang bị các tiêu lệnh chữa cháy và các thiết bị, phương tiện chữa cháy khác theo quy định tại các vị trí thuận tiện để sử dụng khi xảy ra sự cố.

- Thường xuyên tuyên truyền, tập huấn kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động và người sử dụng lao động. Xây dựng nội quy phòng cháy chữa cháy nơi sản xuất, làm việc và phổ biến cho cán bộ, công nhân trong Công ty hiểu biết và nghiêm túc thực hiện./.



Phụ lục IV

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 2234/GPMT-UBND ngày 02/12/2022
của UBND tỉnh Nam Định)*

Công ty cổ phần may Sông Hồng có trách nhiệm thực hiện:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; thực hiện đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.
- Thực hiện thu gom và xử lý chất thải rắn theo đúng quy định.
- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình hoạt động. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh nhà máy.
- Bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của nhà máy; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.
- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo quy định pháp luật./.

152, 777, 778

